TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – Đ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2026
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mùi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 – Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2026, về việc, *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã Tam M, thành phố Đ. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã Tam M, thành phố Đ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Thành trình bày:

Bà Huỳnh Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam M, huyện N, tỉnh Q (nay là UBND xã Tam M, thành phố Đ) vào ngày 26/6/2017. Vợ chồng chung sống không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên bà Huỳnh Thị Mỹ T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung có hai con gồm Nguyễn Huỳnh Ái N, sinh ngày 28/9/2017 và Nguyễn Khang H, sinh ngày 24/5/2022.

Nếu ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu H cho ông Đ nuôi

dưỡng, tôi không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Tôi và bà Huỳnh Thị Mỹ T có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Tam M, huyện N, tỉnh Q (nay là UBND xã Tam M, thành phố Đ). Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức nghiêm trọng nên bà T xin ly hôn tôi không đồng ý. Về con chung: có hai cháu gồm Nguyễn Huỳnh Ái N, sinh năm 2017 và Nguyễn Khang H, sinh năm 2022. Nếu ly hôn, tôi thống nhất nuôi dưỡng cháu H, giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đ phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ. Về con chung giao cháu N cho bà Huỳnh Thị Mỹ T nuôi dưỡng, giao cháu H cho ông Nguyễn Tấn Đ nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đ tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Mỹ T có khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Nguyễn Tấn Đ. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông Đ có đăng ký thường trú tại xã N, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam M, huyện N, tỉnh Q (nay là UBND xã Tam M, thành phố Đ) vào ngày 26/6/2017.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vả, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng bà Thành cương quyết ly hôn, ông Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng có yêu cầu xin vắng mặt; nên không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hoà giải vụ án được.

Tại phiên Toà, ông Đ không đồng ý ly hôn tuy nhiên bà T kiên quyết ly hôn; bà T và ông Đ đều thừa nhận, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, cả hai cũng không có hướng khắc phục mâu thuẫn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ T về việc ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung:

Trong quá trình hôn nhân, bà T và ông Đ sinh được 02 người con là Nguyễn Huỳnh Ái N, sinh ngày 28/9/2017 và Nguyễn Khang H, sinh ngày 24/5/2022. Bà T yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu H cho ông Đ nuôi dưỡng, và ông Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ, về điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con thì cả bà T và ông Đ đều đảm bảo; do vậy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, cần chấp nhận yêu cầu của bà T và ông Đ là giao cháu N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật;

Phần cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

[3] Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Huỳnh Ái N, sinh ngày 28/9/2017 cho bà Huỳnh Thị Mỹ T nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Khang H, sinh ngày 24/5/2022 cho ông Nguyễn Tấn Đ nuôi dưỡng; cho đến khi các cháu N và H trưởng thành, đủ 18 tuổi; Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thành đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxx ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20-4-2026);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 – Đ;
- THADS thành phố Đ (KV5);
- TAND thành phố Đ;
- UBND xã Tam M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Huỳnh Lý